

Số: 87/2022/QĐST-HNGĐ

T D, ngày 16 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 114/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh X V Ch; Sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Bản N B, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị L Th T; Sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Bản N B, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh X V Ch và chị L Th T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Tình cảm: Anh X V Ch và chị L Th T thỏa thuận ly hôn;

- Con chung: Anh X V Ch và chị L Th T thỏa thuận Anh Ch là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu X Đ C, sinh ngày 07/7/2007, cháu X C H, sinh ngày 03/4/2010 và cháu X K Tr, sinh ngày 13/9/2016 cho đến lúc các cháu trưởng thành.

Chị L Th T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 400.000 đồng/tháng (*Bốn trăm nghìn đồng*) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 16 tháng 11 năm 2022. Chị T có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Tài sản chung, nợ chung: Anh Ch và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016; Anh Ch và chị T thỏa thuận anh Ch chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ch tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0010700 ngày 11 tháng 10 năm 2022. Anh Ch đã nộp đủ số tiền án phí trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- VKS huyện T D;
- UBND xã X L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Moong Công Hải